TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 644/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1981; Căn cước công dân: 082181012047; Địa chỉ: A đường G, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Tôn Minh S, sinh năm 1982; Căn cước công dân: 079082033798; Địa chỉ: A đường G, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01/2011 ngày 02/7/2011

Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Tôn Hiểu M, sinh ngày 27/02/2013 và Tôn Hiểu K, sinh ngày 17/4/2024. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận, ông S trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Tôn Minh S thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Tôn Minh S theo đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01/2011 ngày 02/7/2011 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông Tôn Minh S trực tiếp nuôi 02 con chung tên Tôn Hiểu M, sinh ngày 27/02/2013 và Tôn Hiểu K, sinh ngày 17/4/2024. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông S không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do bà T và ông S chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009970 ngày 20/8/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Duy